

Số: 728 /QĐ-ĐHKH

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên
Khóa 19, 20, 21 và 22 đại học hệ chính quy học kỳ I năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-TTg ngày 23/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐTTĐHKH ngày 29/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Thủ tướng chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Biên bản ngày 28/3/2024 của Hội đồng xét duyệt học bổng khuyến khích học tập, học kỳ I năm học 2024-2025 cho sinh viên đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập cho 182 sinh viên Khóa 19, 20, 21 và 22 đại học hệ chính quy, học kỳ I năm học 2024 - 2025 (có danh sách kèm theo) trong đó:

- 89 sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc.
- 77 sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Giỏi.
- 16 sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Khá.

Điều 2. Các mức học bổng cụ thể như sau:

Khối ngành	Loại học bổng		
	Xuất sắc	Giỏi	Khá
Khoa học quản lý; Luật	8.460.000 VNĐ/học kỳ	7.755.000 VNĐ/học kỳ	7.050.000 VNĐ/học kỳ
Sinh học, Công nghệ Sinh học, Vật lý, Hóa học, Địa lý, Khoa học môi trường, Toán, Toán	9.120.000 VNĐ/học kỳ	8.360.000 VNĐ/học kỳ	7.600.000 VNĐ/học kỳ

Tin, Công nghệ Kỹ thuật Hóa, Toán, Tiếng Anh, Hóa dược			
Văn học, Báo chí, Du Lịch, Hàn Quốc Học, Ngôn ngữ Anh, Trung Quốc học, Việt Nam học, Khoa học thư viện, Quản trị du lịch và lữ hành, Quản lý Tài Nguyên Môi trường, Lịch sử, Quản lý Thể dục thể thao, Công tác xã hội, Ngôn ngữ các DTTS Việt Nam	9.000.000 VNĐ/học kỳ	8.250.000 VNĐ/học kỳ	7.500.000 VNĐ/học kỳ

Tổng số tiền chi: 1.541.955.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm bốn mươi một triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng), trong đó:

- Số tiền chi cho sinh viên Xuất sắc: 792.180.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

- Số tiền chi cho sinh viên Giỏi: 629.475.000 VNĐ (Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

- Số tiền chi cho sinh viên Khá: 120.300.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng).

Kinh phí học bổng được trích từ Quỹ học bổng của Nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác HSSV, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Ban Giám hiệu (b/c);
- QLVB;
- Lưu: VT, CT HSSV (5).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng

DANH SÁCH CHI HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số: 728/QĐ-ĐHKH ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

Đơn vị: đồng

ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
1	DTZ2157850101012	Trần Xuân	Thắng	QLTNMT K19	20	7,85	3,1	Xuất sắc	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220550333
2	DTZ23017850101014	Ân Hoàng	Thương	QLTNMT K21	18	7.80	3,17	Xuất sắc	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220427762
3	DTZ24017850101021	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	QLTNMT K22	19	7,98	3,16	Tốt	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220496499
4	DTZ23017460101010	Dương Thị Thuý	Huyền	Toán học K21	21	9,18	3,86	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	9.120.000	8500220427099
5	DTZ24017460117034	Vũ Việt	Anh	Toán-Tin K22	18	9,08	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	9.120.000	8500220517417
6	DTZ24017460101015	Đỗ Công	Bắc	Toán A - K22	18	8,46	3,5	Tốt	Giỏi	1.672.000	8.360.000	8500220505640
7	DTZ22017460117006	Lương Thanh	Hường	Toán-Tin K20	17	8,34	3,47	Xuất sắc	Giỏi	1.672.000	8.360.000	8500220334421
8	DTZ24017460101012	Trần Lan	Anh	Toán A - K22	18	8	3,28	Xuất sắc	Giỏi	1.672.000	8.360.000	8500220505605
9	DTZ24017460101095	Đoàn Thị Minh	Thư	Toán A - K22	18	8,14	3,22	Xuất sắc	Giỏi	1.672.000	8.360.000	8500220509714
10	DTZ24017460101080	Lê Quang	Phát	Toán B K22	18	8,27	3,22	Xuất sắc	Giỏi	1.672.000	8.360.000	8500220512039
11	DTZ24017460101153	Đỗ Trung	Đạt	Toán B K22	18	8,29	3,44	Khá	Khá	1.520.000	7.600.000	8500220544216

ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
12	DTZ24017460101016	Nguyễn Hữu	Bách	Toán B K22	18	8,14	3,22	Khá	Khá	1.520.000	7.600.000	8500220511109
13	DTZ24017460117035	Dương Thị Ngọc	Ánh	Toán-Tin K22	18	7,77	3,11	Tốt	Khá	1.520.000	7.600.000	8500220517498
14	DTZ24017440102015	Nguyễn Hiền	Phồn	Vật lý A - K22	18	8,49	3,28	Xuất sắc	Giỏi	1.672.000	8.360.000	8500220512580
15	DTZ2157810101002	Ma Thúy	Vân	Du lịch k19	19	8,88	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220293273
16	DTZ2157810103029	Dương Thị Minh	Thảo	QTDVDLLH B - K19	17	8,88	3,88	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220291538
17	DTZ2157810103035	Giăng Thị	Ca	QTDVD&DL K19	17	8,58	3,88	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220291284
18	DTZ22017810101004	Triệu Thị Quỳnh	Chi	Du lịch - K20	15	8,74	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220329858
19	DTZ22017810103043	Hà Thị Thu	Thảo	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành B - K20	18	9,6	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220334047
20	DTZ22017810103073	Tần Thị	Dinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành B - K20	17	9,56	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220376733
21	DTZ23017810101154	Lý Thị	Chùn	Du lịch - K21 (Hà Giang)	18	7,89	3,22	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220447169
22	DTZ23017810103034	Nguyễn Thị	Phương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành B - K21	18	8,63	3,67	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220434899
23	DTZ23017810103058	Nguyễn Thị	Hằng	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành B - K21	18	8,4	3,56	tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220434666
24	DTZ23017810101022	Ngô Thị	Loan	Du lịch - K21	18	8,2	3,33	xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220429275
25	DTZ24017810101093	Tần A	Đại	Du lịch B (HG) - K22	19	8,35	3,63	xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220544767

ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
26	DTZ24017810101082	Triệu Thị	Thu	Du lịch B (HG) - K22	19	7,78	3,16	xuất sắc	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220544977
27	DTZ24017810101003	Nguyễn Văn	Anh	Du lịch A - K22	16	8,84	3,81	xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220495320
28	DTZ24017810101017	Hoàng Thu	Hoài	Du lịch A - K22	16	8,49	3,75	tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220495467
29	DTZ24017810103082	Hoàng Thị Hải	Yến	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành A - K22	16	8,6	3,75	tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220498290
30	DTZ24017810103028	Nông Thị	Hoa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành A - K22	16	8,46	3,75	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220497252
31	DTZ24017810103025	Nguyễn Thị	Hậu	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành B - K22	16	8,74	3,75	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220517128
32	DTZ24017810103086	Lương Thị Thúy	Hằng	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành B - K22	16	8,01	3,44	tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220517105
33	DTZ22017760101015	Đàm Thị Huyền	Trang	CTXH K20	15	8,15	3,4	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220329806
34	DTZ23017760101013	Hoàng Thị Thúy	Trang	CTXH K21	17	8,53	3,65	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220428056
35	DTZ24017760101007	Đồng Thị Như	Hoài	CTXH K22	18	7,74	3,17	Tốt	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220502659
36	DTZ24017760101019	Lao Thị Hoài	Thương	CTXH K22	18	7,98	3,11	Xuất sắc	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220503231
37	DTZ2157340401015	Vi Thị	Hạnh	KHQL K19	15	9,46	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220287104
38	DTZ2157340401046	Tăng Thị	Vân	KHQL K19	15	9,14	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220294197
39	DTZ22017340401030	Tô Ngọc	Mai	KHQL K20	15	8,86	3,87	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220330516



ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
40	DTZ22017340401047	Nguyễn Thùy	Trang	KHQL K20	15	8,87	3,8	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220330726
41	DTZ23017340401046	Dương Văn	Trường	KHQL K21	20	9,29	3,85	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220430490
42	DTZ23017340401043	Nguyễn Thị	Trang	KHQL K21	20	8,78	3,7	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220430455
43	DTZ24017340401032	Dương Thị Thanh	Nhàn	KHQL K22A	18	8,35	3,61	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220503645
44	DTZ24017340401109	Phạm Mai	Phương	KHQL K22A	18	8,19	3,5	Tốt	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500220503680
45	DTZ24017340401030	Dương Thị Thanh	Nguyệt	KHQL K22A	18	8,27	3,33	Xuất sắc	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500220503622
46	DTZ24017340401069	Vũ Thị	Huyền	KHQL K22B	18	8,27	3,5	Xuất sắc	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500220498783
47	DTZ24017340401095	Đồng Thị Thùy	Trang	KHQL K22B	18	8,27	3,5	Tốt	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500220501220
48	DTZ23017229010006	Hoàng Thị	Hương	Lịch sử K21	16	8,01	3,31	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220428243
49	DTZ24017229010036	Nguyễn Thị	Thơm	Lịch sử K22A	20	7,87	3,2	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220514629
50	DTZ24017229010026	Triệu Thị	Như	Lịch sử K22A	20	8,08	3,15	Xuất sắc	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220514300
51	DTZ24017229010021	Giảng Thị Minh	Lý	Lịch sử K22A	20	7,87	3,05	Xuất sắc	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220514092
52	DTZ24017229010147	Nguyễn Như	Nguyệt	Lịch sử K22B	20	7,88	3,25	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220516790
53	DTZ24017229010145	Quảng Thị	Ly	Lịch sử K22B	20	8,39	3,15	Xuất sắc	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220516618



[Handwritten signature]

ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
54	DTZ24017229010150	Ma Thị	Ban	Lịch sử K22B	20	7,64	3	Tốt	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220514953
55	DTZ22017510401001	Lê Thị Thu	Uyên	CNKTHH K20	17	8,64	3,65	Xuất sắc	Xuất sắc	1.824.000	9.120.000	8500220332280
56	DTZ2157220201510	Nguyễn Thị Mai	Liên	Ngôn ngữ Anh A K19	15	9,44	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220293402
57	DTZ2157220201056	Dương Thủy	Tiên	Ngôn ngữ Anh B K19	15	8,96	3,8	xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220289667
58	DTZ22017220201011	Hạ Gia	Bảo	Ngôn ngữ Anh A K20	17	8,4	3,71	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220326820
59	DTZ22017220201056	Nguyễn Hải Dương	Phúc	Ngôn ngữ Anh B K20	19	8,79	3,58	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220328520
60	DTZ22017220201063	Vũ Tuấn	Tâm	Ngôn ngữ Anh C K20	22	8,40	3,64	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220328639
61	DTZ22017220201112	Hoàng Thị	Dịu	Ngôn ngữ Anh D K20	18	8,41	3,5	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220334740
62	DTZ23017220201126	Đỗ Thủy	Quỳnh	Ngôn ngữ Anh AK21	19	8,35	3,58	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220344918
63	DTZ23017220201098	Dương Thị Kiều	Trang	Ngôn ngữ Anh B K21	19	9,26	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220434013
64	DTZ23017220201166	Hà Mai	Hương	Ngôn ngữ Anh B K21	19	8,62	3,68	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220441915
65	DTZ23017220201070	Phạm Thị Bích	Ngọc	Ngôn ngữ Anh C K21	22	8,71	3,91	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220434246
66	DTZ2157229030003	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Văn học k19	18	8,73	3,72	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220293300
67	DTZ220173801039	Đàm Thanh	Trà	Văn học K20	19	8,43	3,42	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220331729

ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
68	DTZ23017229030014	Trần Thu	Kỳ	Văn học K21	16	8,43	3,56	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220435160
69	DTZ24017220201264	Nguyễn Khánh	Linh	Ngôn ngữ Anh A K22	19	8,42	3,53	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220514800
70	DTZ24017220201231	Dương Thị Huyền	Trang	Ngôn ngữ Anh A K22	19	7,96	3,21	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220515588
71	DTZ24017220201212	Trịnh Ngô Phương	Thảo	Ngôn ngữ Anh B K22	19	8,63	3,53	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220550327
72	DTZ24017220201107	Nguyễn Thị Kim	Khánh	Ngôn ngữ Anh B K22	19	8,38	3,37	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220518058
73	DTZ24017220201104	Bùi Tuấn	Khanh	Ngôn ngữ Anh C K22	19	7,85	3,16	Tốt	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220520696
74	DTZ24017220201418	Nguyễn Huyền	My	Ngôn ngữ Anh D K22	19	8,95	3,84	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220521312
75	DTZ24017220201147	Nguyễn Thị	Mến	Ngôn ngữ Anh D K22	19	8,07	3,21	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220521204
76	DTZ24017220201274	Thiều Hải	Yến	Ngôn ngữ Anh E K22	19	9,36	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220516726
77	DTZ24017220201129	Trương Khánh	Linh	Ngôn ngữ Anh H K22	19	8,82	3,68	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220521148
78	DTZ24017220201122	Nguyễn Tổng Khánh	Linh	Ngôn ngữ Anh H K22	19	8,78	3,68	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220521119
79	DTZ24017229030045	Phan Thu	Huyền	Văn học A K22	18	9,03	3,72	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220505611
80	DTZ24017229030109	Lê Thiên	Trang	Văn học A K22	18	8,46	3,5	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220508859
81	DTZ24017229030129	Đào Thuý	Quỳnh	Văn học A K22	18	8,33	3,39	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220508468

ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
82	DTZ24017229030067	Đỗ Khánh	Ly	Văn học B - K22	18	8,78	3,67	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220509585
83	DTZ24017229030016	Phạm Thị Thu	Chang	Văn học B - K22	18	8,38	3,5	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220509086
84	DTZ24017229030132	Nguyễn Mai	Anh	Văn học B - K22	18	8,37	3,44	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220508996
85	DTZ23017220201240	Lù Thị	Loan	Ngôn ngữ Anh K21 Hà Giang	18	8,11	3,56	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220446881
86	DTZ24017220201333	Lưu Thu	Hào	Ngôn ngữ Anh F (Lào Cai) - K22	18	8.35	3,61	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220543288
87	DTZ24017220201348	Nguyễn Trần Yến	Nhi	Ngôn ngữ Anh F (Lào Cai) - K22	18	8.07	3,44	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220543423
88	DTZ24017220201399	Lương Thị Ngọc	Hà	Ngôn ngữ Anh G K22 Hà Giang	19	8,81	3,84	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220542574
89	DTZ24017220201443	Nguyễn Thị Anh	Thư	Ngôn ngữ Anh G K22 Hà Giang	19	7,92	3,21	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220543061
90	DTZ24017220113002	Phùng Thị	Lan	Văn hóa các DTTS Việt Nam K22	16	8.18	3,25	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220512305
91	DTZ2157380101516	Hoàng Thu	Trà	LUẬT A - K19 (CLC)	17	8,72	3,59	Xuất sắc	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500220291153
92	DTZ2157380101054	Lương Ngọc	Huyền	LUẬT B - K19	17	8,93	3,82	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220288976
93	DTZ2157380101109	Lộc Thị	Ngọc	LUẬT C - K19	17	8,85	3,71	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220289253
94	DTZ2157380101566	Nguyễn Linh	Thảo	LUẬT C - K19	20	8,64	3,65	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220295516
95	DTZ22017380101012	Ninh Thúy	Hoa	Luật A - K20 (CLC)	19	9,14	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220331090

ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
96	DTZ22017380101023	Nguyễn Thị Thảo	Linh	Luật B - K20	17	8,88	3,88	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220331560
97	DTZ22017380101061	Hoàng Thị	Huyền	Luật C - K20	17	8,37	3,59	Xuất sắc	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500220331939
98	DTZ22017380101085	Quảng Thị	Uyên	Luật C - K20	17	8,45	3,53	Xuất sắc	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500205214432
99	DTZ23017380101079	Nguyễn Thị Thanh	Trầm	Luật A (CLC) - K21	19	9,13	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220430796
100	DTZ23017380101025	Vũ Quỳnh	Giang	Luật B - K21	16	8,54	3,5	Xuất sắc	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500220431044
101	DTZ23017380101111	Phản Chí	Toàn	Luật B - K21	16	7,93	3,31	Xuất sắc	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500220431543
102	DTZ23017380101047	Lục Khánh	Linh	Luật C - K21	15	8,86	3,67	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220431992
103	DTZ24017380101015	Mùa Văn	Ca	Luật A (DVPL) - K22	18	8,36	3,61	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220497818
104	DTZ24017380101114	Trương Đức	Thiện	Luật B - K22	18	8,53	3,67	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220499603
105	DTZ24017380101061	Phạm Duy	Lâm	Luật B - K22	18	8,12	3,28	Xuất sắc	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500220498964
106	DTZ24017380101087	Lý Minh	Nhật	Luật B - K22	18	7,97	3,28	Xuất sắc	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500220499258
107	DTZ24017380101025	Nguyễn Ngọc	Diệp	Luật C - K22	18	8,83	3,83	Xuất sắc	Xuất sắc	1.692.000	8.460.000	8500220500420
108	DTZ24017380101021	Đào Thị Minh	Cương	Luật C - K22	18	8,31	3,28	Xuất sắc	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500220500279
109	DTZ24017380101171	Nguyễn Vũ Thu	Hải	Luật C - K22	18	8,14	3,28	Tốt	Giỏi	1.551.000	7.755.000	8500220500676



ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
110	DTZ2157310614096	Nông Thị	Ly	HQH A - K19	17	9,24	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220290801
111	DTZ2157310614047	Hà Văn	Đức	HQH B - K19	17	9,31	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220295393
112	DTZ2157310614085	Trần Thị	Huệ	HQH B - K19	17	9,16	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220290751
113	DTZ22017310614030	Vũ Ngọc	Huyền	HQH A - K20	19	9,15	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220329228
114	DTZ22017310614056	Triệu Thu	Phương	HQH A - K20	19	9,03	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220329444
115	DTZ22017310614013	Vi Thị Linh	Giang	HQH A - K20	19	9,17	3,84	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220329047
116	DTZ22017310614136	Nguyễn Thu	Phương	HQH B - K20	17	9,35	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220354470
117	DTZ22017310614146	Bùi Thị Hồng	Thêu	HQH B - K20	19	9,25	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220332960
118	DTZ22017310614094	Đặng Thị Bích	Đào	HQH B - K20	19	9,21	3,84	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220354333
119	DTZ23017310614023	Dương Ngọc	Hân	HQH A - K21	17	8,88	4	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220425172
120	DTZ23017310614085	Nguyễn Thu	Phương	HQH A - K21	17	9,08	3,82	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220425511
121	DTZ23017310614038	Đặng Minh	Hợp	HQH B - K21	19	8,89	3,84	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220426015
122	DTZ23017310614060	Vũ Thùy	Linh	HQH B - K21	17	8,68	3,82	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220426117
123	DTZ24017310614138	Hoàng Gia Hà	Vy	HQH A - K22	15	8,59	3,67	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220497020



ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
124	DTZ24017310614001	Giáp Thị Ngọc	Anh	HQH A - K22	15	8,23	3,47	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220495937
125	DTZ24017310614131	Tào Văn	Thân	HQH A - K22	15	8,16	3,47	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220310288
126	DTZ24017310614135	Vi Thị Thu	Hằng	HQH B - K22	15	8,4	3,47	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220504292
127	DTZ24017310614028	Lý Thị	Hằng	HQH B - K22	15	8,13	3,4	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220504270
128	DTZ23017320101007	Nguyễn Thảo	Huyền	Báo chí K21	17	8,32	3,65	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220428670
129	DTZ24017320101024	Nguyễn Ngọc	Lan	Báo chí K22	19	8,32	3,37	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220511978
130	DTZ24017320101025	Hà Khánh	Linh	Báo chí K22	19	8,2	3,37	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220511990
131	DTZ22017810301071	Nguyễn Văn	Tinh	QLTDTT K20	19	8,79	3,68	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220330790
132	DTZ24017320201012	Hoàng Thị	Trà	Thư viện K22	19	7,25	2,79	Xuất sắc	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220495575
133	DTZ24017810301007	Lâm Văn	Học	QLTDTT K22	19	7,77	3,11	Tốt	Khá	1.500.000	7.500.000	8500220518830
134	DTZ2157310612028	Hứa Thị	Dự	TQH A - K19	15	9,24	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220286675
135	DTZ2157310612011	Hoàng Thị	Hương	TQH A - K19	15	8,64	3,8	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220291783
136	DTZ2157310612037	Vi Văn	Tuyền	TQH B - K19	15	8,92	4	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220292110
137	DTZ2157310612065	Nông Văn	Khánh	TQH B - K19	15	8,78	3,6	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220286719

ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
138	DTZ2157310612132	Hoàng Thị Cách	Cách	TQH C - K19	15	8,74	3,8	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220292191
139	DTZ2157310612113	Dương Thanh	Tùng	TQH C - K19	15	8,52	3,6	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220292836
140	DTZ22017310612009	Nguyễn Thị	Chúc	Trung Quốc học A - K20	21	9,04	3,86	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220326010
141	DTZ22017310612055	Nguyễn Thị	Thắm	Trung Quốc học A - K20	21	8,92	3,86	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220326498
142	DTZ22017310612142	Nguyễn Thu	Trang	Trung Quốc học B - K20	21	9,19	4,00	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220327659
143	DTZ22017310612111	Quan Thị	Linh	Trung Quốc học B - K20	21	8,86	3,86	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220327251
144	DTZ22017310612170	Vi Xuân	Hoàng	Trung Quốc học C - K20	21	8,75	3,71	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220328327
145	DTZ22017310612189	Phạm Ngọc	Mai	Trung Quốc học C - K20	19	8,51	3,68	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220328645
146	DTZ23017310612023	Đình Thanh Thanh	Huyền	Trung Quốc học A K21	20	9,23	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220426934
147	DTZ23017310612020	Nguyễn Thị	Huế	Trung Quốc học A K21	20	9,02	3,85	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220426878
148	DTZ23017310612338	Kiều Thanh	Hằng	Trung Quốc học B K21	20	8,59	3,55	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220429506
149	DTZ23017310612179	Nông Thị Bích	Liên	Trung Quốc học B K21	20	8,41	3,4	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220428628
150	DTZ23017310612307	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Trung Quốc học C - K21	20	8,99	3,85	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220431021
151	DTZ23017310612176	Lâm Thị Ngọc	Liên	Trung Quốc học C - K21	20	9,08	3,75	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220430216

ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
152	DTZ23017310612156	Dương Thị	Huyền	Trung Quốc học D- K21	20	8,71	3,9	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220431674
153	DTZ23017310612177	Lý Thị Thúy	Liên	Trung Quốc học D - K21	20	8,77	3,7	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220431799
154	DTZ23017310612108	Nguyễn Thị Thanh	Hải	Trung Quốc học E - K21	20	8,81	3,7	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220432864
155	DTZ23017310612102	Nguyễn Thị Hương	Giang	Trung Quốc học E - K21	20	8,52	3,7	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220432812
156	DTZ24017310612330	Thào Thị	Mai	Trung Quốc học A - K22	16	9,73	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220494832
157	DTZ24017310612348	Hà Thị Trà	My	Trung Quốc học A - K22	16	9,07	3,81	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220494878
158	DTZ24017310612095	Phùng Thị	Đào	Trung Quốc học A - K22	16	9,03	3,81	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220494566
159	DTZ24017310612520	Triệu Thanh	Thảo	Trung Quốc học B - K22	16	8,97	3,81	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220503905
160	DTZ24017310612167	Quan Văn	Hoạt	Trung Quốc học B - K22	16	8,81	3,81	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220502150
161	DTZ24017310612534	Lao Thị Minh	Thư	Trung Quốc học B - K22	16	8,57	3,81	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220503970
162	DTZ24017310612238	Lô Thị	Kim	Trung Quốc Học C -K22	16	9,29	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220519543
163	DTZ24017310612616	Lương Thị Thanh	Vân	Trung Quốc Học C-K22	16	8,73	3,63	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220520037
164	DTZ24017310612472	Dương Thị	Quỳnh	Trung Quốc Học C- K22	16	8,71	3,81	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220519832
165	DTZ24017310612056	Đinh Thị Thanh	Chúc	Trung Quốc học D - K22	16	8,37	3,44	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220497433

ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
166	DTZ24017310612551	Lăng Thị Bích	Thùy	Trung Quốc học D - K22	16	8,29	3,44	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220499599
167	DTZ24017310612471	Đỗ Như	Quỳnh	Trung Quốc học D - K22	16	8,57	3,38	Xuất sắc	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220499350
168	DTZ24017310612083	Lâm Văn	Duy	Trung Quốc học E - K22	16	9,27	3,81	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220500414
169	DTZ24017310612485	Nông Thị	Sự	Trung Quốc học E - K22	16	8,36	3,63	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220501997
170	DTZ24017310612608	Lương Thị Thanh	Uyên	Trung Quốc học E - K22	16	8,79	3,81	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220502570
171	DTZ24017310612283	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Trung Quốc học F - K22	16	9,27	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220508603
172	DTZ24017310612139	Bùi Thị	Hậu	Trung Quốc học F - K22	16	8,59	3,63	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220505946
173	DTZ24017310612617	Lương Thị Thảo	Vân	Trung Quốc học F - K22	16	8,38	3,44	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220511433
174	DTZ24017310612305	Nguyễn Thị	Luyến	Trung Quốc học G -K22	16	9,02	3,81	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220512993
175	DTZ24017310612636	Nguyễn Thị Hải	Yến	Trung Quốc học G -K22	16	8,94	3,82	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220513372
176	DTZ24017310612086	Lương Thị Mai	Duyên	Trung Quốc học G -K22	16	8,75	3,81	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220512725
177	DTZ24017310612157	Trần Thị	Hoa	Trung Quốc học H - K22	16	8,57	3,63	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220513610
178	DTZ24017310612290	Trương Khánh	Linh	Trung Quốc học H - K22	16	8,49	3,63	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220522032
179	DTZ24017310612209	Trần Diệu	Hương	Trung Quốc học H - K22	16	8,47	3,63	Tốt	Giỏi	1.650.000	8.250.000	8500220513678

ST T	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		LỚP QUẢN LÝ	TỔNG SỐ TCTL	Điểm TBC tích lũy hệ 10	Điểm TBC tích lũy hệ 4	Xếp loại rèn luyện	Đạt danh hiệu	Mức học bổng/01 tháng	Tổng tiền được lĩnh (05 tháng)	Số tài khoản AGRIBANK
180	DTZ24017310612647	Sùng Thị	Dung	Trung Quốc Học K-K22	16	9,48	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220520168
181	DTZ24017310612645	Tao Thị	Bun	Trung Quốc Học K-K22	16	9,19	4	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220520116
182	DTZ24017310612669	Tao Thị	Pinh	Trung Quốc Học K-K22	16	8,79	3,81	Xuất sắc	Xuất sắc	1.800.000	9.000.000	8500220516000
Tổng											1.541.955.000	
Số tiền bằng chữ: Một tỷ năm trăm bốn mươi một triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng ./.												

Ấn định danh sách 182 sinh viên./.

